

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E503

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 19/07/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0361	PHAN DUY	AN	27/09/1985			
2	TA0362	LÊ TUẤN	ANH	22/08/1975			
3	TA0363	TRẦN XUÂN	CUỜNG	10/11/1996			
4	TA0364	NGUYỄN HỒNG	ĐIỆP	19/01/1986			
5	TA0365	NGUYỄN BÁ	ĐÔNG	21/01/1994			
6	TA0366	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	19/01/1978			
7	TA0367	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	13/09/1999			
8	TA0368	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	01/12/1980			
9	TA0369	TRẦN NGỌC	HOÀNG	05/06/1997			
10	TA0370	LẠI VŨ	HÙNG	22/10/1993			
11	TA0371	NGUYỄN QUỐC	HUỲNG	30/12/1997			
12	TA0372	TRẦN DUY	HUỲNG	18/02/1981			
13	TA0373	TRỊNH THU	HƯƠNG	22/05/1987			
14	TA0374	NGUYỄN VĂN	KHIÊM	18/11/1984			
15	TA0375	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	LINH	04/06/1998			
16	TA0376	PHẠM VĂN	LONG	01/06/1984			
17	TA0377	DƯƠNG THỊ HOA	MAI	11/03/1994			
18	TA0378	NGUYỄN TẤN	PHÁT	14/10/1997			
19	TA0379	ĐỖ HOÀNG	PHƯƠNG	19/11/1982			
20	TA0380	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	020/8/1993			
21	TA0381	NGUYỄN HẢI	QUÂN	05/09/1998			

22	TA0382	PHAN NHƯ	QUỖNH	25/06/2000			
23	TA0383	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	20/11/1996			
24	TA0384	NGUYỄN MẠNH	THẮNG	20/11/1975			
25	TA0385	NGUYỄN VĂN	THIÊN	20/12/1987			
26	TA0386	PHƯƠNG MINH	THƯ	12/10/1985			
27	TA0387	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	04/06/1980			
28	TA0388	NGUYỄN TIẾN	CUÔNG	10/9/1992			
29	TA0389	ĐÀM QUANG	MINH	5/25/1982			
30	TA0390	LÊ ĐỨC	THÀNH	12/3/1985			
31	TA0391	NGUYỄN HỒNG	SƠN	02/06/1985			
32	TA0392	Triệu Thị	Yến	25/05/1995			
33	TA0353	Lê Thị Thảo	Vân	1/9/2000			
34	TA0354	Lưu Thị	Vân	25/5/2000			
35	TA0355	Đỗ Đức	Việt	23/7/2000			
36	TA0356	Phạm Đức	Việt	19/10/2000			
37	TA0357	Trương Hoàng	Việt	3/9/2000			
38	TA0358	Nông Tuấn	Vũ	3/11/1999			
39	TA0359	Dương Thị	Yến	12/11/1999			
40	TA0360	Nguyễn Thị Hải	Yến	8/6/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)